

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

*ALPHA SEVEN GROUP
JOINT STOCK COMPANY*

Số: 66/2026/CV-A7
No: 66/2026/CV-A7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2026
Ho Chi Minh City, Aug 29, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: - State Securities Commission of Vietnam

- Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Tập đoàn Alpha Seven thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

In accordance with the provisions of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance on information disclosure in the securities market, Alpha Seven Group Joint Stock Company discloses its Semi-annual 2026 financial statements to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

**Organization Name: ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK
COMPANY**

- Mã chứng khoán: DL1

Stock code: DL1

- Địa chỉ: 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Address: 97/4 Nguyen Huu Canh Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Điện thoại liên hệ: 028.3736.7187

Fax: 028.3736.7187

Contact phone: 028.3736.7187

Fax: 028.3736.7187

- Email: info@a7group.vn

Website: <http://www.a7group.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

Content of the Announcement:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2026

The Financial statements Semi-annual 2026

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate financial statements (for a public company without subsidiaries and a superior accounting unit with affiliated units);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated financial statements (for a public company with subsidiaries);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

Combined financial statements (for a public company with affiliated accounting units that have an independent accounting system).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases requiring an explanation of reasons:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

The auditing organization issues an opinion that is not an unqualified opinion on the financial statements (for reviewed/audited financial statements):

☐ Có/Yes

☒

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

☐ Có/Yes

☒

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

The after-tax profit in the reporting period differs by 5% or more before and after the audit, or shifts from a loss to a profit or vice versa (for the audited financial statements of 2025):

☒ Có/Yes

☐

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

☒ Có/Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

The after-tax profit in the income statement of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year:

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

☒ Có/Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

The after-tax profit in the reporting period is a loss, or it shifts from a profit in the same period of the previous year to a loss in the current period, or vice versa:

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/08/2026 tại đường dẫn:

This information was published on the Company's website on 29/08/2026 at the following link:

⇒ <https://a7group.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh.html>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong kỳ báo cáo Bán niên năm 2026.

Report on transactions with a value equal to or exceeding 35% of the total assets during the Semi-annual 2026 reporting period.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:
Không có.

In cases where the public company has transactions, it is required to fully report the following details: None.

- Nội dung giao dịch:

Transaction content:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

The transaction value ratio to the company's total assets (%) (based on the most recent financial statements).;

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Transaction completion date:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

We hereby confirm that the information provided above is accurate and take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm:

Attached Document:

- Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026; Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm bán niên năm 2026; Giải trình chênh lệch 10% LNST bán niên năm 2026

- Consolidated financial statements for Semi-annual 2026; Parent company financial statements for Semi-annual 2026;

Explanation of a 10% difference in after-tax profit for Semi-annual 2026.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

Organization Representative

Legal Representative

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Sign, full name, position, seal)



Nguyễn Đình Trạc

- Từ nguyên trên Tổng lợi nhuận trước thuế giảm 7,987 tỷ và chi phí thuế TNDN giảm 1,532 tỷ đồng dẫn đến Lợi nhuận sau thuế giảm tương ứng số tiền 6,454 tỷ đồng.

2. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Khoản mục	BCTC Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 (Đã kiểm toán)	BCTC Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 (Trước kiểm toán)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.076.216.489	97.069.444.343	(58.993.227.854)

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 Tháng đầu năm 2026 sau kiểm toán giảm số tiền 58,993 tỷ đồng, tương ứng giảm 60,7%.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 914 triệu đồng tương ứng 3,06% so với trước kiểm toán, ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính thiếu Công ty con;

- Chi phí tài chính tăng 51,964 tỷ đồng so với trước kiểm toán do Công ty ghi nhận thiếu chi phí tài chính và đánh giá lại khoản đầu tư vào Công ty liên kết thành khoản đầu tư Công ty con

- Lãi trong công ty liên kết, liên doanh tăng 799 triệu đồng tương ứng 82,64% so trước kiểm toán; Công ty ghi nhận lãi Công ty liên kết thiếu;

- Chi phí khác tăng 274 triệu đồng sau kiểm toán do chi phí không hợp lý hợp lệ

- Từ các nguyên nhân trên dẫn đến tổng lợi nhuận trước thuế TNDN sau kiểm toán giảm 58,940 tỷ và Chi phí thuế TNDN giảm sau kiểm toán 1,532 tỷ đồng do ghi nhận thuế Công ty con và Công ty mẹ và chi phí thuế TNDN hoãn lại tăng do phát sinh loại trừ khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính Công ty con dẫn đến tổng lợi nhuận sau thuế TNDN giảm số tiền 58,993 tỷ đồng.

II. Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước đã được kiểm toán:

1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng :

Khoản mục	BCTC riêng 6 Tháng đầu năm 2026 (Đã kiểm toán)	BCTC riêng 6 Tháng đầu năm 2025	Chênh lệch
-----------	--	---------------------------------------	------------

		(Đã kiểm toán)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.174.637.098	48.345.020.909	(23.170.383.811)

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2026 giảm 23,170 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025, do các nguyên nhân sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của Công ty doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 10,78%, giá vốn hàng bán trong kỳ tăng 8,34% dẫn đến lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 942 triệu đồng tương ứng 11,78% so cùng kỳ năm 2025;

- Doanh thu hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2026 giảm 3,84% so cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chính nhận lợi nhuận được chia từ Công ty con, công ty liên kết giảm so với cùng kỳ năm trước

- Chi phí tài chính tăng 20,861 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025, do công ty ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư tài chính công ty con;

- Chi phí quản lý tăng 95 triệu đồng tương ứng 6,15% so cùng kỳ năm 2025 ;

Từ các nguyên nhân trên, dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 22,145 tỷ đồng, thuế TNDN tăng 1,024 tỷ đồng nên lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 23,170 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025.

2. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Khoản mục	BCTC Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 (Đã kiểm toán)	BCTC Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 (Đã kiểm toán)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.076.216.489	30.826.404.234	7.249.812.255

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2026 tăng 7,249 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025, do các nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2026 tăng 823 triệu đồng so cùng kỳ năm trước . Giá vốn hàng bán giảm 23,36% so cùng kỳ năm 2025 dẫn đến lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng tương ứng 81,916 tỷ đồng tương ứng 80,02% so cùng kỳ năm 2025;

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 21,605 tỷ đồng tương ứng 235,04% so với cùng kỳ năm 2025 do tăng từ lãi cho vay và lãi BCC

- Chi phí tài chính tăng 85,813 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do các khoản vay tăng và đánh giá lại khoản đầu tư trước đây vào Công ty liên kết thành khoản đầu tư vào công ty con

- Phần lãi trong công ty liên kết giảm 13,911 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chuyển khoản đầu tư công ty liên kết thành đầu tư vào Công ty con

- Chi phí bán hàng giảm 3,643 tỷ đồng so cùng kỳ năm 2025 và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 4,879 tỷ đồng tương ứng 6,71% so với cùng kỳ năm trước;

Lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 12,158 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, chi phí thuế TNDN tăng do công ty con, Công ty mẹ tăng thuế TNDN, thuế thu nhập hoãn lại giảm so với cùng kỳ năm 2025.

Từ những nguyên nhân chính trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 tăng 7,249 tỷ đồng.

Trên đây là giải trình của công ty về một số nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 6 tháng đầu năm 2026.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu KT

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**[®])

Công ty thành viên của JPA International

Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM

Tel : +84 (28) 3859 4168

Email : contact@vietvalues.com

Fax : +84 (28) 3859 2285

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – RIÊNG

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 06
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính (riêng) giữa niên độ	07 - 08
3. Báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	09 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	12
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (riêng) Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	13 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (tên cũ là Công ty CP Tập đoàn Năng lượng tái tạo Việt Nam, sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900437257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 21/12/2007. Công ty chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 ngày 20/07/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 24 ngày 03 tháng 06 năm 2026 do Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : 1.806.003.870.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2026 : 1.806.003.870.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là DL1.

2. Trữ sở hoạt động

2.1 Trữ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 (283) 736 7187

Fax : +84 (283) 736 7187

Mã số thuế : 5900437257

2.2 Các chi nhánh trực thuộc hạch toán độc lập

Tên chi nhánh

Địa chỉ

Bến Xe Gia Lai – Chi Nhánh Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, tỉnh Gia Lai.

2.3 Thông tin về công ty con

Thông tin về công ty con tính đến ngày 30/06/2026:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
1	Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Lô I3 - 6, đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh	- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; - Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; - Sản xuất linh kiện điện tử.	100%	100%	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
2	Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận ⁽¹⁾	Thôn Quán Thê 1, xã Thuận Nam, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; Sản xuất truyền tải điện; Khai thác đá, đất sét; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện.	50%	50%	50%	50%	50%	50%
3	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông ⁽²⁾	Số 04, đường Điện Biên Phủ, Tổ 3, Phường Đồng Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng	Đầu tư xây dựng công trình giao thông	99,60%		99,60%		99,60%	
4	Mass Noble Investments Limited	Hòm thư 957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài, Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh	Thiết kế, sản xuất và kinh doanh thẻ nhớ SD, các mặt hàng tiện nghi gia dụng, chăm sóc cá nhân, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và an ninh gia đình.	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
5	Ansen Investment Holdings Limited (công ty con gián tiếp) ⁽³⁾	The British Virgin Islands	Đầu tư	0%	0%	97,73%	97,73%	100%	100%
6	Shine Profit Development Limited (công ty con gián tiếp) ⁽³⁾	Hồng Kông	Thiết kế, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	0%	97,73%	97,73%	100%	100%
7	Greatrich Industrial Limited (công ty con gián tiếp) ⁽³⁾	Hồng Kông	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng, đầu tư	0%	0%	97,73%	97,73%	100%	100%
8	Profit Metal Limited (công ty con gián tiếp) ⁽³⁾	Hồng Kông	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	0%	97,73%	97,73%	100%	100%
9	東莞橋頭益發燈具有限公司(công ty con gián tiếp) ⁽³⁾	Trung Quốc	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng, đầu tư	0%	0%	97,73%	97,73%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
10	東莞利材塑膠製品有限公司(công ty con gián tiếp) ⁽¹⁾	Trung Quốc	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đóng gói	0%	0%	97,73%	97,73%	100%	100%
11	東莞安迅電子有限公司(công ty con gián tiếp) ⁽³⁾	Trung Quốc	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	0%	97,73%	97,73%	100%	100%

⁽¹⁾ Ông Nguyễn Đình Trạc là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (bổ nhiệm ngày 02/01/2022) đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty.

⁽²⁾ Là công ty con từ ngày 01/01/2026.

⁽³⁾ Là công ty gián tiếp cấp 2 thông qua Công ty TNHH Mass Noble Investment.

Thông tin về Công ty liên doanh, liên kết tính đến ngày 30/06/2026:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
1	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông (*)	Số 04, đường Điện Biên Phủ, Tổ 3, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng	Đầu tư xây dựng công trình giao thông						
2	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind	142 Lý Nam Đế, Phường Hội Phú, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất điện gió, điện mặt trời, điện thủy điện	41,73%	0%	41,73%	0%	41,73%	0%
3	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP2 Wind	117 Trần Phú, Phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện gió, điện mặt trời, điện thủy điện	42,01%	0%	42,01%	0%	42,01%	0%

(*) Là công ty con từ ngày 01/01/2026.

3. Ngành nghề hoạt động

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN*Địa chỉ: 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh***Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)***Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026*

- Sản xuất điện: Chi tiết sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**4.1 Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch	25/06/2023	
Ông Nguyễn Đình Trạc	Phó Chủ tịch	25/06/2023	
Ông Nguyễn Tân Tiến	Thành viên	25/06/2023	
Ông Bùi Minh Đức	Thành viên	25/06/2023	
Ông Paul Anthony Murphy	Thành viên	01/06/2025	

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Phạm Thị Giang	Trưởng ban	25/06/2023	
Bà Trần Thị Vũ Thuận	Thành viên	25/06/2023	
Bà Hồ Thị Thu Trang	Thành viên	25/06/2023	

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	30/06/2021	
Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	14/05/2010	
Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	21/12/2007	

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo giữa niên độ này là Ông Nguyễn Đình Trạc – Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ và tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ từ trang 09 đến trang 40.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Báo cáo (riêng) giữa niên độ này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ, tình hình hoạt động (riêng) giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2026

Số 290802/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày tháng năm 2026 (từ trang 09 đến trang 40), bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính (riêng) giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính (riêng) giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính (riêng) giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét rằng, phạm vi của Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả kinh doanh (riêng) giữa niên độ kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty với công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Trần Văn Hiệp - Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		119.841.694.227	936.517.710.998
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	3.945.659.544	898.880.675
1. Tiền		111		3.945.659.544	898.880.675
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		61.304.983.165	369.136.623.970
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		123	V.2	61.304.983.165	369.136.623.970
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		53.756.041.999	565.504.413.857
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	2.024.253.394	2.024.521.717
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	10.091.856.679	3.056.871.055
3. Phải thu ngắn hạn khác		135	V.5	43.022.931.926	561.806.021.085
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		136	V.6	(1.383.000.000)	(1.383.000.000)
IV. Hàng tồn kho		140	V.7	645.203.559	645.203.559
1. Hàng tồn kho		141		645.203.559	645.203.559
V. Tài sản sinh học ngắn hạn		150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác		160		189.805.960	332.588.937
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		161	V.8a	189.805.960	147.869.555
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		163	V.15	-	184.719.382
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1.886.950.715.334	1.025.050.298.217
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		2.064.375.501	2.064.375.501
1. Phải thu dài hạn khác		215	V.5	2.064.375.501	2.064.375.501
II. Tài sản cố định		220		129.482.539.023	130.911.209.739
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.9	21.113.885.533	22.526.082.727
- Nguyên giá		222		51.990.948.104	51.990.948.104
- Giá trị hao mòn lũy kế		223		(30.877.062.571)	(29.464.865.377)
2. Tài sản cố định vô hình		227	V.10	108.368.653.490	108.385.127.012
- Nguyên giá		228		108.740.276.482	108.740.276.482
- Giá trị hao mòn lũy kế		229		(371.622.992)	(355.149.470)
III. Tài sản sinh học dài hạn		230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư		240	V.11	-	-
- Nguyên giá		241		1.891.892.974	1.891.892.974
- Giá trị hao mòn lũy kế		242		(1.891.892.974)	(1.891.892.974)
V. Tài sản dở dang dài hạn		250		824.656.478	824.656.478
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		252	V.12	824.656.478	824.656.478
VI. Đầu tư tài chính dài hạn		260	V.13	1.753.275.561.445	889.666.334.137
1. Đầu tư vào công ty con		261		1.375.604.060.000	537.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		262		255.000.000.000	201.187.500.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		263		254.610.000.000	254.610.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)		264		(131.938.498.555)	(103.131.165.863)
VII. Tài sản dài hạn khác		270		1.303.582.887	1.583.722.362
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn		271	V.8b	1.303.582.887	1.583.722.362
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)		280		2.006.792.409.561	1.961.568.009.215

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (riêng) (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ		300		143.864.176.086	761.027.478.838
I. Nợ ngắn hạn		310		143.864.176.086	761.027.478.838
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.14	5.496.739.732	8.247.973.857
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312		34.166.451	12.950.543
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn		314	V.15	9.418.046.741	8.339.000.118
4. Phải trả người lao động		315		353.377.555	341.752.001
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		316	V.16	4.860.538.860	1.151.834.423
6. Phải trả ngắn hạn khác		320	V.17	9.789.680.271	529.831.677.692
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		321	V.18	113.297.966.409	212.488.630.137
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		613.660.067	613.660.067
II. Nợ dài hạn		330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	V.19	1.862.928.233.475	1.200.540.530.377
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		1.806.003.870.000	1.168.587.310.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		1.806.003.870.000	1.168.587.310.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		481.191.820	684.685.820
3. Quỹ đầu tư phát triển		418		663.498.805	663.498.805
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		55.779.672.850	30.605.035.752
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		420a		30.605.035.752	17.562.302.157
- LNST chưa phân phối kỳ này		420b		25.174.637.098	13.042.733.595
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		440		2.006.792.409.561	1.961.568.009.215

Tp. Hồ Chí Minh, phê duyệt ngày 29 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Người lập

Kế toán trưởng

HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Tổng Giám đốc

NGUYỄN ĐÌNH TRẠC



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12.475.493.875	11.261.061.049
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		12.475.493.875	11.261.061.049
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.532.267.768	3.260.387.315
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		8.943.226.107	8.000.673.734
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	55.652.541.828	57.875.864.825
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	35.533.785.831	14.671.790.815
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		6.726.453.139	1.456.840.271
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	208.832.908	279.707.183
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.650.370.043	1.554.797.477
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 +21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		27.202.779.153	49.370.243.084
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32		32.006.378	53.692.919
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(32.006.378)	(53.692.919)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27.170.772.775	49.316.550.165
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.15	1.996.135.677	971.529.256
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		25.174.637.098	48.345.020.909
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7		
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7		

Tp. Hồ Chí Minh, phê duyệt ngày 29 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

DVT: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.170.772.775	49.316.550.165
2. Điều chỉnh cho các khoản			(18.690.085.281)	(42.775.503.218)
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	V.9	1.428.670.716	1.428.570.792
- Các khoản dự phòng	03		28.807.332.692	13.214.950.544
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(55.652.541.828)	(58.875.864.825)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	6.726.453.139	1.456.840.271
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.480.687.494	6.541.046.947
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		521.885.958.040	37.497.120.723
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(523.397.479.138)	12.722.776.492
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		238.203.070	(656.861.858)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	55.200.000.000
- Chi phí đi vay đã trả	14	VI.4	(3.017.748.702)	(17.266.108.619)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(280.000.000)	(200.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.909.620.764	93.837.973.685
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(240.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(152.560.665.852)	(49.671.110.002)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		460.392.306.657	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(892.416.560.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		45.699.675.028	28.489.506.704
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(538.885.244.167)	(21.421.603.298)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.19	637.213.066.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	131.203.000.000	80.384.659.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(230.393.663.728)	(153.025.498.047)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		538.022.402.272	(72.640.839.047)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.046.778.869	(224.468.660)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		898.880.675	1.456.031.408
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	3.945.659.544	1.231.562.748

Tp. Hồ Chí Minh, phê duyệt ngày 29 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (RIÊNG)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Sản xuất điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Sản xuất điện: Chi tiết sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng)

Trong kỳ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với kỳ trước, tuy nhiên chi phí tài chính tăng do trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn dẫn đến tổng lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này giảm 45% so với kỳ trước.

6. Cấu trúc công ty**Các chi nhánh trực thuộc hạch toán độc lập**

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Bến Xe Gia Lai – Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven	43 Lý Nam Đế, Phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai.

Các công ty con

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối kỳ			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ Lợi ích
1.	Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (công ty con trực tiếp)	- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; - Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; - Sản xuất linh kiện điện tử.	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2.	Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (công ty con trực tiếp) ⁽¹⁾	Đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; Sản xuất truyền tải điện; Khai thác đá, đất sét; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện.	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%
3.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông ⁽²⁾	Đầu tư xây dựng công trình giao thông	99,60%	99,60%	99,60%			
4.	Mass Noble Investments Limited (công ty trực tiếp)	Thiết kế, sản xuất và kinh doanh thẻ nhớ SD, các mặt hàng tiện nghi gia dụng, chăm sóc cá nhân, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và an ninh gia đình	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
5.	Ansen Investment Holdings Limited (công ty con gián tiếp) ⁽³⁾	Đầu tư	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
6.	Shine Profit Development Limited (công ty con gián tiếp) ⁽³⁾	Thiết kế, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
7.	Greatrich Industrial Limited (công ty con gián tiếp) ⁽³⁾	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng, đầu tư	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
8.	Profit Metal Limited (công ty con gián tiếp) ⁽³⁾	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối kỳ			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ Lợi ích
9.	東莞橋頭益發燈具有限公司(công ty con gián tiếp) ⁽³⁾	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng, đầu tư	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
10.	東莞利材塑膠製品有限公司(công ty con gián tiếp) ⁽³⁾	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đóng gói	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
11.	東莞安迅電子有限公司(công ty con gián tiếp) ⁽³⁾	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%

⁽¹⁾ Ông Nguyễn Đình Trạc là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (bổ nhiệm ngày 02/01/2022) đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty.

⁽²⁾ Là công ty con từ ngày 01/01/2026.

⁽³⁾ Là công ty gián tiếp cấp 2 thông qua Công ty TNHH Mass Noble Investment.

Các công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối kỳ			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông ^(*)	Đầu tư xây dựng công trình giao thông						
2.	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind	Sản xuất điện gió, điện mặt trời, điện thủy điện	41,73%	41,73%	41,73%	0%	0%	0%
3.	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP2 Wind	Sản xuất điện gió, điện mặt trời, điện thủy điện	42,01%	42,01%	42,01%	0%	0%	0%

^(*) Là công ty con từ ngày 01/01/2026.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 30 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 30 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư có liên quan. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh (thuyết minh mục IV.20) do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành tại Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (riêng)

Báo cáo tài chính (riêng) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả và các khoản đầu tư khác có bản chất tương tự nhằm mục đích thu lãi định kỳ hoặc các lợi ích kinh tế khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích phù hợp với thời gian nắm giữ và lãi suất thực tế của khoản đầu tư. Khoản lãi được hưởng trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư tại thời điểm mua.

Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh khi mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian nắm giữ khoản đầu tư.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khi có bằng chứng khách quan cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể bị tổn thất, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tương ứng với phần giá trị tổn thất có thể xảy ra. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính/doanh thu tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư; khoản đầu tư vào hợp đồng BCC mà doanh nghiệp không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng BCC.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực

tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 48
Máy móc và thiết bị	10 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4,5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty có quyền sử dụng đất hợp pháp và xác định được nguyên giá một cách đáng tin cậy. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm các khoản chi phí thực tế liên quan trực tiếp như: tiền trả để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và lệ phí trước bạ (nếu có).

Việc khấu hao quyền sử dụng đất được thực hiện như sau:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn sử dụng đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn: không thực hiện khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 – 08 năm.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Nhà cửa, vật kiến trúc

15

9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của các cổ đông

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu cung cấp dịch vụ (Dịch vụ bến bãi, vận chuyển, cung cấp điện ...)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Đối với hoạt động dự án điện mặt trời trên mái nhà:

- Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì Công ty Cổ Phần Tập Đoàn ALPHA SEVEN được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho trường hợp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực: ... sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học. Mức ưu đãi cụ thể như sau:

Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm (từ năm 2021 đến năm 2035).

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
 - Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với Chính sách Kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty.

20. Số liệu so sánh

Một vài số dư trên Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ được trình bày lại cho phù hợp với quy định hiện hành (thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, năm trước theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính). Chi tiết như sau:

Mã Số	Chỉ tiêu	Cuối năm trước theo Thông tư 200/2014/TT-BTC/Trước điều chỉnh	Đầu năm nay được trình bày lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC/Sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ				
Tài sản				
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	182.171.746.806	-	(182.171.746.806)
136	Phải thu ngắn hạn khác	578.770.898.249	561.806.021.085	(16.964.877.164)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	170.000.000.000	369.136.623.970	199.136.623.970
216	Phải thu dài hạn khác	256.674.375.501	2.064.375.501	(254.610.000.000)
263	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	254.610.000.000	254.610.000.000
	Tổng cộng Tài sản	1.187.617.020.556	1.187.617.020.556	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG) (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng		
- Tiền mặt	367.578.767	593.096.731
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.578.080.777	305.783.944
Cộng	3.945.659.544	898.880.675

(1) Chi tiết các ngân hàng:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Á Châu	1.930.447.185	6.213.024
Ngân hàng TMCP Quân Đội	819.134.058	2.618.582
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	586.722.376	35.515.562
Ngân hàng khác	241.777.158	261.436.776
Cộng	3.578.080.777	305.783.944

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn các bên liên quan	-	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn các công ty khác	61.409.057.684	61.409.057.684	369.136.623.970	369.136.623.970
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Á Châu	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Phát Triển Tp.HCM	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội ⁽¹⁾	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Các khoản cho vay	46.887.239.201	46.887.239.201	182.171.746.806	182.171.746.806
Hồ Thị Thu ⁽²⁾	1.546.767.200	1.546.767.200	1.316.917.121	1.316.917.121
Hoàng Duy Khiêm ⁽³⁾	10.750.000.000	10.750.000.000	-	-
Vũ Văn Tin ⁽⁴⁾	34.590.472.001	34.590.472.001	41.540.000.000	41.540.000.000
Các đối tượng khác	-	-	139.314.829.685	139.314.829.685
- Phải thu lãi cho vay	4.417.743.964	4.417.743.964	12.372.986.752	12.372.986.752
- Các đối tượng khác	-	-	4.591.890.412	4.591.890.412
Cộng	61.304.983.165	61.304.983.165	369.136.623.970	369.136.623.970

⁽¹⁾ Là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quân Đội có kỳ hạn từ 06 tháng.

⁽²⁾ Là khoản cho Bà Hồ Thị Thu vay theo theo Hợp đồng vay vốn số 004/2026/HĐCT ngày 01/04/2026, thời hạn 12 tháng, lãi suất từ 9%/năm, tín chấp.

⁽³⁾ Là khoản cho Ông Hoàng Duy Khiêm vay theo Hợp đồng vay vốn số 002/2026/HĐCT ngày 20/03/2026, thời hạn 12 tháng, lãi suất từ 9%/năm, tín chấp.

⁽⁴⁾ Là khoản cho Ông Vũ Văn Tin vay theo theo Hợp đồng vay vốn 005/2025/HĐCT ngày 15/12/2025, thời hạn 12 tháng, lãi suất từ 9%/năm, tín chấp

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Dự phòng		Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	120.783.240	-
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	-	-	35.000.003	-
- Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen	-	-	85.783.237	-
Phải thu các khách hàng khác	2.024.253.394	(1.383.000.000)	1.903.738.477	(1.383.000.000)
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Hùng Nhân Gia Lai	1.383.000.000	(1.383.000.000)	1.383.000.000	(1.383.000.000)
- Các khách hàng khác	641.253.394	-	520.738.477	-
Cộng	2.024.253.394	(1.383.000.000)	2.024.521.717	(1.383.000.000)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	6.138.837.863	-
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	6.138.837.863	-
Trả trước cho các bên khác	3.953.018.816	3.056.871.055
- Công Ty TNHH Xây Dựng Quốc Anh Gia Lai	408.457.761	-
- Trả trước cho các người bán khác	3.544.561.055	3.056.871.055
Cộng	10.091.856.679	3.056.871.055

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	33.940.241.643	-	551.816.962.465	-
- Công Ty CP Điện Mặt Trời DLG Ninh Thuận (cổ tức được chia)	22.500.000.000	-	-	-
- Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắk Nông (cổ tức được chia)	-	-	16.080.000.000	-
- Chuyển giao quyền kiểm soát Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	-	-	529.500.000.000	-
- Công Ty TNHH Một thành Viên Trường An Tây Nguyên	11.440.241.643	-	6.236.962.465	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	9.082.690.283	-	9.989.058.620	-
- Các đối tượng khác	9.082.690.283	-	9.989.058.620	-
Cộng	43.022.931.926	-	561.806.021.085	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Chi tiết	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.064.375.501	-	2.064.375.501	-
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ký quỹ)	2.064.375.501	-	2.064.375.501	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	-	-	-	-
Cộng	2.064.375.501	-	2.064.375.501	-

6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Dự phòng phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Dự phòng phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.383.000.000	-	1.383.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Hùng Nhân Gia Lai	1.383.000.000	-	1.383.000.000	-
Cộng	1.383.000.000	-	1.383.000.000	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(1.383.000.000)	(672.700.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(1.383.000.000)	(672.700.000)

7. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (*)	645.203.559	-	645.203.559	-
Cộng	645.203.559	-	645.203.559	-

(*) Nguyên liệu, vật liệu là vật tư thay thế tấm pin điện mặt trời.

8. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và dài hạn**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

Chi tiết:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	189.805.960	147.869.555
Cộng	189.805.960	147.869.555

Tình hình biến động:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	147.869.555	52.318.332
- Mua mới trong kỳ	223.079.629	333.732.168
- Phân bổ trong kỳ	(181.143.224)	(49.834.742)
Số cuối kỳ	189.805.960	336.215.758

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Chi tiết:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa	1.303.582.887	1.583.722.362
Cộng	1.303.582.887	1.583.722.362

Tình hình biến động:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	1.583.722.362	263.105.392
- Mua mới trong kỳ	20.740.741	636.359.226
- Phân bổ trong kỳ	(300.880.216)	(147.654.053)
Số cuối kỳ	1.303.582.887	751.810.565

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.526.734.784	22.911.633.128	1.971.463.637	581.116.555	51.990.948.104
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	26.526.734.784	22.911.633.128	1.971.463.637	581.116.555	51.990.948.104
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	18.393.939.995	8.822.626.128	1.971.463.637	276.835.617	29.464.865.377
Khấu hao trong năm	430.449.882	963.041.220	-	18.706.092	1.412.197.194
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	18.824.389.877	9.785.667.348	1.971.463.637	295.541.709	30.877.062.571
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8.132.794.789	14.089.007.000	-	304.280.938	22.526.082.727
Số cuối kỳ	7.702.344.907	13.125.965.780	-	285.574.846	21.113.885.533

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.317.868.411 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp bảo lãnh cho các khoản phát hành trái phiếu của Công ty CP tập đoàn Đức Long Gia Lai (chung cổ đông lớn) tại ngày 30/06/2026 là 2.428.404.435 đồng (xem tại Thuyết minh VII.3).

10. Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình như sau:

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	108.258.981.482	481.295.000	108.740.276.482
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	108.258.981.482	481.295.000	108.740.276.482
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	355.149.470	355.149.470
Khấu hao trong kỳ	-	16.473.522	16.473.522
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	371.622.992	371.622.992
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	108.258.981.482	126.145.530	108.385.127.012
Số cuối kỳ	108.258.981.482	109.672.008	108.368.653.490

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 170.135.000 đồng.

(*) Chi tiết gồm:

1. Là quyền sử dụng đất tại 97/2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng: lâu dài. Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất này được bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (công ty con) tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Đức là 60.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh VII.3).

2. Là quyền sử dụng đất tại 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng: lâu dài.

11. Bất động sản đầu tư

Là các ki ốt bán hàng của Công ty đang cho thuê. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.891.892.974	1.891.892.974
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ (*)	1.891.892.974	1.891.892.974
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.891.892.974	1.891.892.974
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	1.891.892.974	1.891.892.974
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Số cuối kỳ	1.891.892.974	1.891.892.974
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối kỳ	-	-

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	814.723.634	635.653.958
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	-	-
Lãi/(Lỗ) từ kinh doanh bất động sản đầu tư	814.723.634	635.653.958

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang					
- Xây dựng cơ bản	824.656.478	-	-	-	824.656.478
Cộng	824.656.478	-	-	-	824.656.478

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	1.375.604.060.000	1.243.665.561.445	(131.938.498.555)	537.000.000.000	433.868.834.137	(103.131.165.862)
- Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen ⁽¹⁾	187.916.560.000	180.357.426.321	(7.559.133.679)	80.000.000.000	80.000.000.000	-
- Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận ⁽²⁾	202.000.000.000	202.000.000.000	-	202.000.000.000	202.000.000.000	-
- Mass Noble Investments Limited ⁽³⁾	255.000.000.000	151.868.834.137	(124.379.364.876)	255.000.000.000	151.868.834.137	(103.131.165.862)
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông ⁽⁴⁾	730.687.500.000	730.687.500.000	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	255.000.000.000	255.000.000.000	-	201.187.500.000	201.187.500.000	-
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông ⁽⁴⁾	-	-	-	201.187.500.000	201.187.500.000	-
- Công ty CP Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind ⁽⁵⁾	127.500.000.000	127.500.000.000	-	-	-	-
- Công ty CP Năng Lượng Điện Gió CP2 Wind ⁽⁶⁾	127.500.000.000	127.500.000.000	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thanh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	254.610.000.000	254.610.000.000	-	254.610.000.000	254.610.000.000	
Công Ty TNHH Một thành Viên Trường An Tây Nguyên ⁽⁷⁾	254.610.000.000	254.610.000.000	-	254.610.000.000	254.610.000.000	
Cộng	1.885.214.060.000	1.753.275.561.445	(131.938.498.555)	992.797.500.000	889.666.334.137	(103.131.165.86)

(1) Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 753412041 do Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh (cấp lần đầu ngày 31/05/2017 và thay đổi lần thứ nhất này 24 tháng 12 năm 2020). Công ty được đăng ký thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315016980 cấp lần đầu vào ngày 27/04/2018, thay đổi lần thứ 03 ngày 01/06/2021. Ngành nghề hoạt động chính là sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 187.916.560.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (số đầu năm là 80.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ).

(2) Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500619268 ngày 30/11/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp. Ngành nghề hoạt động chính là đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; sản xuất truyền tải điện; khai thác đá, đất sét; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 10.500.000 cổ phiếu, tương đương 50% vốn điều lệ của Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (số đầu năm là 10.500.000 cổ phiếu, tương đương 50% vốn điều lệ).

(3) Mass Noble Investments Limited được thành lập tại Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh. Ngành nghề hoạt động chính là hoạt động trong các lĩnh vực thiết kế, sản xuất và kinh doanh thẻ nhớ SD, các mặt hàng tiện nghi gia dụng, chăm sóc cá nhân, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và an ninh gia đình. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư chiếm 97,73% vốn điều lệ của Mass Noble Investments Limited (số đầu năm là 97,73% vốn điều lệ).

(4) Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400192949 ngày 03 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 10 ngày 25 tháng 07 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Đầu tư xây dựng công trình giao thông. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 24.900.000 cổ phiếu, tương đương 99,60% vốn điều lệ của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông (số đầu năm là 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ).

(5) Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901236024 ngày 10/09/2025 do Sở tài chính tỉnh Gia Lai cấp. Ngành nghề hoạt động chính là sản xuất điện gió, điện mặt trời, điện thủy điện. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 12.750.000 cổ phiếu, tương đương 41,73% vốn điều lệ của Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind (số đầu năm là 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ).

(6) Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP2 Wind được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901236112 ngày 11/09/2025 do Sở tài chính tỉnh Gia Lai cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Sản xuất điện gió, điện mặt trời, điện thủy điện. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 12.750.000 cổ phiếu, tương đương 42,01% vốn điều lệ của Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind (số đầu năm là 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ).

(7) Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công Ty TNHH Một thành Viên Trường An Tây Nguyên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD-DL1-TATN ngày 20 tháng 09 năm 2025 về việc cùng nhau hợp tác đầu tư trong việc kinh doanh khách sạn DLG Đà Nẵng, địa chỉ số 258 Võ Nguyên Giáp, phường An Hải, Tp. Đà Nẵng. Theo đó, lợi nhuận sẽ được phân chia cho mỗi bên tương ứng theo tỷ lệ góp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thanh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

vốn thực hiện dự án nhưng không thấp hơn 9%/năm tính trên số tiền hợp tác kinh doanh.

(*) Đối với cổ phiếu chưa niêm yết, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Giao dịch với các các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, liên doanh, liên kết và BCC trong kỳ, như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen		
Nhận tiền từ đi vay	44.153.000.000	5.384.659.000
Thanh toán gốc vay	(45.093.663.728)	(5.200.000.000)
Chi phí lãi vay	1.661.074.300	146.868.299
Doanh thu tiền điện	577.859.381	592.013.832
Góp vốn	107.916.560.000	-
- Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận		
Cổ tức nhận sau giai đoạn đầu tư	22.500.000.000	49.000.000.000
Nhận tiền từ đi vay	77.050.000.000	-
Chi phí lãi vay	2.047.630.137	-
Chi tiền cho vay	15.000.000.000	-
Lãi cho vay	283.150.685	-
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông		
Cổ tức nhận sau giai đoạn đầu tư	14.940.000.000	4.350.000.000
Khác	9.400.000.000	-
- Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind		
Góp vốn	127.500.000.000	-
- Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP2 Wind		
Góp vốn	127.500.000.000	-
- Công Ty TNHH Một thành Viên Trường An Tây Nguyên		
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	11.363.279.178	-

14. Phải trả người bán ngắn hạn

<u>Chi tiết</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	2.280.858.000
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	-	2.280.858.000
Phải trả nhà cung cấp khác	5.496.739.732	5.967.115.857
- Công ty Cổ Phần VES	4.766.752.799	4.766.752.799
- Các đối tượng khác	729.986.933	1.200.363.058
Cộng	5.496.739.732	8.247.973.857

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	103.520.401	184.719.382	891.384.124	(725.110.996)	85.074.147	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.472.320.513	-	1.996.135.677	(280.000.000)	9.188.456.190	
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	5.100.896	(5.100.896)	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	746.099.920	-	-	(601.583.516)	144.516.404	-
- Phí, lệ phí, phải nộp khác	17.059.284	-	-	(17.059.284)	-	-
Cộng	8.339.000.118	184.719.382	2.892.620.697	(1.628.854.692)	9.418.046.741	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế như sau :

Hoạt động dự án điện mặt trời trên mái nhà với thuế suất 10%,

Hoạt động khác với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.170.772.775	49.316.550.165
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	21.280.205.391	83.316.528
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	21.280.205.391	83.316.528
- Các khoản điều chỉnh giảm	(37.440.000.000)	(53.350.000.000)
+ Cổ tức nhận sau giai đoạn đầu tư	(37.440.000.000)	(53.350.000.000)
Thu nhập chịu thuế	11.010.978.166	(3.950.133.307)
Trong đó:		
+ Lãi thu nhập chịu thuế ở các chi nhánh quyết toán Thuế TNDN riêng	5.537.437.117	(8.807.779.590)
+ Lãi thu nhập chịu thuế ở các chi nhánh quyết toán Thuế TNDN riêng	5.473.541.049	4.857.646.283
Thu nhập tính thuế	11.010.978.166	4.857.646.283
- Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 10%	2.060.599.561	-
- Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20%	8.950.378.605	4.857.646.283
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.996.135.677	971.529.256
- Thuế TNDN (10%)	206.059.956	-
- Thuế TNDN (20%)	1.790.075.721	971.529.256
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.996.135.677	971.529.256

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản chi phí lãi vay.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan	9.460.000.000	529.500.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	-	529.500.000.000
- Công Ty CP BOT&BT Đức Long Đắc Nông	9.460.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	329.680.271	331.677.692
- Tiền đặt cọc thuê ki ốt, bến bãi	185.600.000	185.709.000
- BHXH, BHYT, BHTN	44.823.600	41.368.692
- Phải trả khác	99.256.671	104.600.000
Cộng	9.789.680.271	529.831.677.692

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	113.297.966.409	113.297.966.409	37.188.630.137	37.188.630.137
- Công ty TNHH Điện tử Ansen ⁽¹⁾	36.247.966.409	36.247.966.409	37.188.630.137	37.188.630.137
- Công Ty CP Điện Mặt Trời DLG Ninh Thuận ⁽²⁾	77.050.000.000	77.050.000.000	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	-	175.300.000.000	175.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Ba Tháng Hai	-	-	156.000.000.000	156.000.000.000
- Ngân Hàng TMCP Phát Triển TpHCM- CN Hàng Xanh	-	-	19.300.000.000	19.300.000.000
Cộng	113.297.966.409	113.297.966.409	212.488.630.137	212.488.630.137

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng số 02/2024/HĐCT ngày 01/07/2024 và các phụ lục kèm theo.

- Hạn mức vay : 50.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh;
- Lãi suất vay : 6,5%/năm;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Tài sản đảm bảo : tín chấp

⁽²⁾ Hợp đồng cho vốn số 001/2026/HĐV/DLGNT-DL1 ngày 26/03/2026.

- Hạn mức vay : 77.050.000.000 đồng;
- Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh;
- Lãi suất vay : 10%/năm;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Tài sản đảm bảo : tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	212.488.630.137	131.203.000.000	(230.393.663.728)	113.297.966.409
Cộng	212.488.630.137	131.203.000.000	(230.393.663.728)	113.297.966.409

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025					
Số dư tại ngày 01/01/2025	1.062.360.940.000	1.049.485.820	663.498.805	123.788.672.157	1.187.862.596.782
Tăng trong năm	-	-	-	48.345.020.909	48.345.020.909
Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	48.345.020.909	48.345.020.909
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2025	1.062.360.940.000	1.049.485.820	663.498.805	172.133.693.066	1.236.207.617.691
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026					
Số dư tại ngày 01/01/2026	1.168.587.310.000	684.685.820	663.498.805	30.605.035.752	1.200.540.530.377
Tăng trong năm	637.416.560.000	-	-	25.174.637.098	662.591.197.098
Lãi trong kỳ	-	-	-	25.174.637.098	25.174.637.098
Tăng vốn trong kỳ này (*)	637.416.560.000	-	-	-	637.416.560.000
Giảm trong năm	-	(203.494.000)	-	-	(203.494.000)
Giảm khác (**)	-	(203.494.000)	-	-	(203.494.000)
Số dư tại ngày 30/06/2026	1.806.003.870.000	481.191.820	663.498.805	55.779.672.850	1.862.928.233.475

(*) Phát hành 63.741.656 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2025 ngày 01/06/2025.

(**) Là các chi phí liên quan đến hoạt động phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ.

19b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.168.587.310.000	1.062.360.940.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	637.416.560.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.806.003.870.000	1.062.360.940.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	180.600.387	116.858.731
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	180.600.387	116.858.731
- Cổ phiếu phổ thông	180.600.387	116.858.731
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	180.600.387	116.858.731
- Cổ phiếu phổ thông	180.600.387	116.858.731
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/CP.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG) (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu hoạt động bến bãi	8.863.659.297	7.993.637.174
- Doanh thu hoạt động vận chuyển	94.581.728	121.351.238
- Doanh thu hoạt động trạm sạc	372.684.154	-
- Doanh thu hoạt động điện mặt trời	3.144.568.696	3.146.072.637
Cộng	12.475.493.875	11.261.061.049

1b. Doanh thu đối với các bên liên quan

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu hoạt động điện mặt trời	577.859.381	592.013.832
- Doanh thu hoạt động vận chuyển	27.272.728	27.272.728
Cộng	605.132.109	619.286.560

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn hoạt động bến bãi	2.196.730.695	1.492.712.139
- Giá vốn hoạt động vận chuyển	130.408.888	171.134.932
- Giá vốn hoạt động trạm sạc	128.437.626	-
- Giá vốn hoạt động điện mặt trời	1.076.690.559	1.596.540.244
Cộng	3.532.267.768	3.260.387.315

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi cho vay	4.368.238.398	3.165.987.027
- Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	11.363.279.178	-
- Cổ tức nhận được từ việc đầu tư vốn	37.440.000.000	53.350.000.000
- Lãi tiền gửi ngân hàng	2.481.024.252	1.359.877.798
Cộng	55.652.541.828	57.875.864.825

4. Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí lãi đi vay	6.726.453.139	1.456.840.271
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	17.394.950.544
- Hoàn nhập/dự phòng bổ sung đầu tư tài chính	28.807.332.692	(4.180.000.000)
Cộng	35.533.785.831	14.671.790.815

5. Chi phí bán hàng

Là chi phí lương phải trả cho nhân viên.

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên	208.832.908	279.707.183
Cộng	208.832.908	279.707.183

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên	825.366.922	697.759.104
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	167.290.800	309.821.556
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	597.584.504	419.311.026
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	60.127.817	127.905.791
Cộng	1.650.370.043	1.554.797.477

7. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.20 và 3.21 mục 2 – Nội dung và phương pháp lập báo cáo tài chính của Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính.

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân công	1.521.469.623	1.515.024.937
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.428.670.716	1.428.570.792
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.082.192.051	1.469.231.303
- Các chi phí bằng tiền khác	359.138.329	609.364.903
Cộng	5.391.470.719	5.094.891.975

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thành viên chủ chốt	Mối quan hệ
- Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc
- Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (Ban Giám đốc)

Tiền lương	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
- Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	90.000.000	90.000.000
- Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	67.140.000	67.140.000
- Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	84.000.000	60.000.000
Cộng		241.140.000	217.140.000

Trong kỳ, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Bùi Pháp	Cổ đông lớn của công ty (chiếm 24,01% vốn điều lệ)
Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Công ty con trực tiếp (Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ)
Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	Công ty con trực tiếp (Công ty nắm giữ 50% vốn điều lệ)
Mass Noble Investments Limited ("Mass Noble")	Công ty con trực tiếp (Công ty nắm giữ 97,73% vốn điều lệ)
Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắk Nông	Công ty con (Tập đoàn nắm giữ 99,60% vốn điều lệ)
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind	Công ty liên kết (Tập đoàn nắm giữ 41,73% vốn điều lệ)
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP2 Wind	Công ty liên kết (Tập đoàn nắm giữ 42,10% vốn điều lệ)
Ansen Investment Holdings Limited	Công ty con gián tiếp
Shine Profit Development Limited	Công ty con gián tiếp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thanh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (riêng)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bên liên quan	Mối quan hệ
Greatrich Industrial Limited	Công ty con gián tiếp
Profit Metal Limited	Công ty con gián tiếp
東莞橋頭益發燈具有限公司	Công ty con gián tiếp
東莞利材塑膠製品有限公司	Công ty con gián tiếp
東莞安迅電子有限公司	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai ("DLG")	Chung cổ đông lớn (Bùi Pháp)
Chi nhánh Chế Biến Gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	Chi nhánh trực thuộc DLG
Công Ty TNHH Một thành Viên Trường An Tây Nguyên	Hợp tác kinh doanh - BCC

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Công ty TNHH Điện Từ DLG Ansen		
Nhận tiền từ đi vay	44.153.000.000	5.384.659.000
Thanh toán gốc vay	(45.093.663.728)	(5.200.000.000)
Chi phí lãi vay	1.661.074.300	146.868.299
Doanh thu tiền điện	577.859.381	592.013.832
Góp vốn	107.916.560.000	-
- Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận		
Cổ tức nhận sau giai đoạn đầu tư	22.500.000.000	49.000.000.000
Nhận tiền từ đi vay	77.050.000.000	-
Chi phí lãi vay	2.047.630.137	-
Chi tiền cho vay	15.000.000.000	-
Lãi cho vay	283.150.685	-
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông		
Cổ tức nhận sau giai đoạn đầu tư	14.940.000.000	4.350.000.000
Khác	9.460.000.000	-
- Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind		
Góp vốn	127.500.000.000	-
- Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP2 Wind		
Góp vốn	127.500.000.000	-
- Công Ty TNHH Một thành Viên Trường An Tây Nguyên		
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	11.363.279.178	-
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai		
Doanh thu cho thuê xe	27.272.728	27.272.728
Chi phí thuê ki ốt	528.000.000	528.000.000
Chi phí thuê mái nhà	60.000.000	60.000.000

Ngoài ra, Công ty dùng tài sản của Công ty để bảo lãnh nhằm đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của bên thứ 3 (chung cổ đông lớn) (xem tại Thuyết minh VII.3).

Số dư cuối năm các bên liên quan khác

Số dư cuối năm của các bên liên quan khác đã được trình bày tại Thuyết minh mục V.3, V.4, V.5, V.13, V.14, V.16, V.17, V.18.

3. Tài sản đảm bảo

Công trình mở rộng bến xe Đức Long Gia Lai tại đường Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai (Xem tại mục V.09), Công trình này đã được dùng để bảo lãnh nhằm đảm bảo thanh toán cho khoản phát hành trái phiếu ngày 31/12/2014 của bên thứ 3 (chung cổ đông lớn). Khoản bảo lãnh này đã được Hội đồng quản trị thông qua theo Biên bản họp số 08/BB-HĐQT ngày 05/12/2014.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 11 năm 2023, Công ty đã dùng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen và Quyền sử dụng đất tại số 97/2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (Công ty con) (xem tại Thuyết minh V.13).

4. Báo cáo theo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Sản xuất điện.

Kỳ này	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
Hoạt động bến bãi	8.863.659.297	2.196.730.695	6.666.928.602
Hoạt động vận chuyển	94.581.728	130.408.888	(35.827.160)
Hoạt động điện mặt trời	3.144.568.696	1.076.690.559	2.067.878.137
Hoạt động trạm sạc	372.684.154	128.437.626	244.246.528
Cộng	12.475.493.875	3.532.267.768	8.943.226.107
Kỳ trước			
Hoạt động bến bãi	7.993.637.174	1.492.712.139	6.500.925.035
Hoạt động vận chuyển	121.351.238	171.134.932	(49.783.694)
Hoạt động điện mặt trời	3.146.072.637	1.596.540.244	1.549.532.393
Cộng	11.261.061.049	3.260.387.315	8.000.673.734

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, phê duyệt ngày 29 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Người lập/ Kế toán trưởng



HÀ THỊ PHƯƠNG OANH



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

